

Bản án số: 313/2020/DS-PT

Ngày: 14 - 8 - 2020

V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Nguyễn Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1422/2019/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 313/2020/QĐPT ngày 23 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T:

Ông Huỳnh Phi L, sinh năm 1977 đại diện theo ủy quyền (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/9/2018).

Địa chỉ: Số 605, đường Nguyễn T, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh C, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Hữu Đ (Peter Nguyen) sinh năm 1940,

Thường trú: 4114 Horseshoe Dr Annandale, VA 22003, USA.

Tạm trú: Số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Đ: Ông Huỳnh Phi L, sinh năm 1977 đại diện theo ủy quyền (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 18/02/2019), có mặt.

2/ Bà C Thị Kim B, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

3/ Chị Nguyễn Châu Diệu H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

4/ Anh Nguyễn Trí M, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Châu Diệu H và Nguyễn Trí M: Bà C Thị Kim B, sinh năm 1963, đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 18/02/2019), có mặt.

5/ Ông Phạm Xuân H, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, là chồng của bà Nguyễn Thị Thanh C.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân H: Bà Nguyễn Thị Thanh C, sinh năm 1955 là vợ của ông H đại diện theo ủy quyền (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 12/02/2019), có mặt.

6/ Ông Đặng Phùng V, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, là chồng của bà Nguyễn Thị Bạch T, vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị Bạch T, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T và người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Phi L trình bày:

Cha bà Nguyễn Thị Bạch T là cụ Nguyễn Văn C và mẹ là cụ Trịnh Thị T. Cụ C và cụ T có 04 người con là ông Nguyễn Hữu Đ (Peter Nguyen), bà Nguyễn Thị Bạch T (hay Nguyễn Bạch T), ông Nguyễn Tri T và bà Nguyễn Thị Thanh C. Ngoài những người con kể trên thì cha mẹ bà T không ai có con riêng, không nhận ai làm con nuôi và cũng không làm con nuôi cho ai. Cha của bà T chết ngày 18/8/2000, theo bản sao trích lục khai tử số 246/TLKT-BS ngày 13/8/2018, do UBND Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp; mẹ của bà T chết ngày 18/7/2018, theo trích lục khai tử số 229/TLKT-BS ngày 06/8/2018, do UBND Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ông bà nội và ông bà ngoại của bà T đều chết đã lâu và chết trước cha mẹ của bà T.

Lúc còn sống cha mẹ bà T có tạo lập được một căn nhà tọa lạc tại số 104/22 Nguyễn Trãi, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh mà hiện nay gia đình của các đương sự đang ở. Ngày 22/12/1994, cha mẹ bà T có lập chung tờ di chúc, được Phòng Công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực, với nội dung sau khi cha mẹ bà T chết thì căn nhà nêu trên chia đều cho 04 người con bà T, ông Đ, ông T và bà C. Năm 2002, mẹ bà T đứng đơn xin giấy phép xây dựng lại nhà, còn tiền xây nhà thì bà T bỏ ra. Nên ngày 10/3/2003, mẹ bà T lập Tờ di chúc ưu tiên cho bà 55.000USD bằng tiền mà bà T bỏ ra xây nhà, phần còn lại thì chia đều cho bà T, ông Đ, ông T và bà C. Di chúc của Cụ T được Văn phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực. Sau khi cụ T chết thì các anh em bàn bạc phân chia di sản, bà T ông Đ và bà B thống nhất bán di sản hoàn trả cho bà T 55.000USD, phần còn lại chia 5 phần, mỗi người một phần, còn một phần thì cho bà C 2/3 vì có công chăm sóc cha mẹ và giữ gìn di sản, cho mẹ con bà B còn 1/3. Bà C cũng đồng ý phương án này nhưng bà đề nghị sau khi mất tang mẹ (ngày 06/6/2020 Âm lịch) thì mới bán di sản để chia, nên anh em không thống nhất.

Tại phiên tòa ông L đại diện cho bà T yêu cầu bán di sản là căn nhà 104/22 Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, trích ra cho bà T 55.000 USD, tương đương với 1.273.635.000 (Một tỷ hai trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn) đồng, nhưng bà T chỉ lấy 1.127.739.879 đồng, bằng giá trị xây dựng nhà, phần còn lại yêu cầu chia theo di chúc của Cụ C và cụ T. Bà T thừa nhận sau khi cụ T chết thì các anh em có thảo luận về việc bán di sản, tiền bán di sản trích ra cho bà T số tiền tương đương 55.000 USD, số tiền còn lại chia thành 05 phần, mỗi người một phần, còn một phần thì cho bà 2/3 để bù công sức mà bà đã chăm sóc cha mẹ, giữ gìn di sản, còn 1/3 thì cho vợ và các con của ông Nguyễn Tri T, nhưng do bà C gây khó khăn không đồng ý bán nhà nên không bàn bạc nữa. Bà T không đồng ý lời khai của bà C về việc bà C bỏ tiền ra để sửa chữa nhà và đóng thuế nhà đất, vì các khoản tiền này đều do bà T gửi về và các anh em đều biết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh C trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của phía nguyên đơn về quan hệ huyết thống, về di sản của cha mẹ bà chết để lại là căn nhà 104/22 Nguyễn Trãi, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà thừa nhận vào năm 2002 mẹ

xây lại căn nhà nhưng nguồn tiền xây nhà do bà T bỏ ra khoảng 55.000 USD, vợ chồng bà không có đóng góp tiền xây nhà, các con của bà lúc này còn nhỏ, sau đó đều qua Mỹ du học cho đến nay. Bà thừa nhận cha mẹ bà có để lại di chúc như nguyên đơn xuất trình, tuy nhiên sau khi cụ T chết thì các anh em đã thỏa thuận miệng là bán di sản, trích ra cho bà T số tiền tương đương 55.000 USD, số tiền còn lại chia thành 05 phần, mỗi người một phần, còn một phần thì cho bà 2/3 để bù công sức mà bà đã chăm sóc cha mẹ, giữ gìn, tôn tạo, sửa chữa di sản, đóng thuế nhà đất, còn 1/3 thì cho vợ và các con của ông Nguyễn Tri T. Nhưng do các anh chị em đòi bán nhà ngay nên bà không đồng ý, vì lúc đó mẹ mới mất, cần có chỗ để thờ cúng mẹ. Nay ra tòa bà yêu cầu chia di sản của Cụ C và cụ T theo thỏa thuận ban đầu và chỉ bán di sản để chia sau khi đã mất tang mẹ là sau ngày 06/6/2020 âm lịch.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Đ (Peter Nguyen) do ông Huỳnh Phi L đại diện trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của phía nguyên đơn về quan hệ huyết thống, về di sản và di chúc của cụ Nguyễn Văn C và cụ Trịnh Thị T để lại, về số tiền mà bà T bỏ ra để xây nhà và sau khi cụ T chết thì các anh em bàn bạc phương án chia di sản của cha mẹ để lại như nội dung mà bà T đã trình bày, nhưng do bà C không đồng ý bán nhà để chia nên không thực hiện được. Nay ra tòa ông yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T, ông đồng ý phương án của bà T là phát mãi căn nhà trích ra phần giá trị xây dựng 1.127.739.879 đồng tương đương 55.000 USD cho bà T, phần giá trị đất chia cho bốn người con theo đúng ý nguyện của cha mẹ. Nếu tại phiên tòa này bà C thống nhất bán ngay căn nhà để chia thì ông đồng ý theo phương án chia di sản như đã thảo luận. Ông xác nhận bà C ở với cha mẹ nên có công chăm sóc cha mẹ lúc đau yếu, nhưng tiền bạc nuôi cha mẹ, đóng thuế nhà đất đều do bà T gửi về và từ khi xây nhà đến nay căn nhà vẫn còn nguyên trạng không có thay đổi gì, còn điện nước hư hỏng thì người sử dụng phải chịu chi phí sửa chữa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà C Thị Kim B đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Châu Diệu H và anh Nguyễn Trí M trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Tri T, cụ Nguyễn Văn C và cụ Trịnh Thị T là cha mẹ chồng của bà. Ông Nguyễn Tri T chết ngày 23/02/2014, ông T không để lại di chúc, ông T có hai người con là Nguyễn Châu Diệu H và Nguyễn Trí M. Ông T không con riêng, không nhận ai làm con nuôi và không làm con nuôi cho ai.

Nhà đất số 104/22 Nguyễn Tr, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn C và cụ Trịnh Thị T chết để lại. Bà được biết các tờ di chúc mà nguyên đơn xuất trình trước Tòa án là của Cụ C và cụ T để lại, bà không có ý kiến gì đối với các tờ di chúc đó. Bà xác nhận vào 2002, sau khi Cụ C chết thì cụ T xây lại căn nhà từ nguồn tiền của bà T gửi về, không có ai đóng góp vào. Quá trình ở trên căn nhà này bà và gia đình bà C không có xây thêm hoặc sửa chữa gì đáng kể, chỉ sửa điện, nước, thay một vài miếng kính cửa bị nứt, bể do bất cẩn trong quá trình sử dụng. Bà xác nhận sau khi cụ T chết thì

các anh chị em có họp bàn để phân chia di sản của cha mẹ để lại như nội dung bà T, bà C và ông Đ trình bày, nhưng bà C không đồng ý bán nhà ngay nên không thực hiện được. Nay ra tòa bà và các con thống nhất yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T, phân di sản mà chồng bà được hưởng thì yêu cầu Tòa giải quyết cho mẹ con của bà theo qui định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân H chồng bà Nguyễn Thị Thanh C, do bà Nguyễn Thị Thanh C đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Phạm Xuân H đang cư trú tại căn nhà này. Ông H thống nhất như lời khai của bà C và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Phùng V chồng của bà Nguyễn Thị Bạch T trình bày:

Ông hiện đang cư trú tại căn nhà này. Ông thống nhất như lời khai của bà T, bà B và ông Đ về nguồn gốc căn nhà và nội dung các tờ di chúc. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1422/2019/DS-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ vào Điều 688, các Điều 618, 643, 648, 649, 650, 651, 652, 659 và Điều 660 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 147, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T (Nguyễn Bạch T); chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh C về tiền thù lao công giữ gìn, bảo quản di sản.

- Xác định nhà đất tọa lạc tại số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn C và cụ Trịnh Thị T, trong đó: Phần di sản của cụ Nguyễn Văn C là ½ giá trị đất, phần di sản của cụ T là ½ giá trị đất và toàn bộ giá trị xây dựng căn nhà số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xác định di chúc chung của cụ Nguyễn Văn C và cụ Trịnh Thị T lập ngày 22/12/1994, được Phòng Công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực, có hiệu lực đối với phần di sản của cụ Nguyễn Văn C.

- Xác định di chúc của cụ Trịnh Thị T được Phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực, số Công chứng 005856, Quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/3/2003 có hiệu lực một phần, đó là phần cho bà Nguyễn Thị Bạch T, phần còn lại của di chúc không có hiệu lực.

- Bà Nguyễn Thị Thanh C được nhận 59.700.000 (Năm mươi chín triệu bảy trăm nghìn) đồng tiền thù lao và khoản tiền này được trích từ di sản của cụ Nguyễn Văn C và cụ Trịnh Thị T.

- Chia cho bà Nguyễn Thị Bạch T (Nguyễn Bạch T) 1.127.739.879 đồng, lấy tròn số là 1.127.740.000 (Một tỷ một trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng phần được hưởng theo di chúc của cụ T.

- Chia cho bà Nguyễn Thị Bạch T (Nguyễn Bạch T) $\frac{1}{4}$ giá trị nhà đất tại số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi trừ 1.187.440.000 (Một tỷ một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng (Gồm 1.127.740.000 đồng phần bà T được hưởng theo di chúc của cụ T và 59.700.000 đồng thù lao bảo quản di sản cho bà C).

- Chia cho bà Nguyễn Thị Thanh C $\frac{1}{4}$ giá trị nhà đất tại số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi trừ 1.187.440.000 (Một tỷ một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng.

- Chia cho ông Nguyễn Hữu Đ (Peter Nguyen) $\frac{1}{4}$ giá trị nhà đất tại số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi trừ 1.187.440.000 (Một tỷ một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng.

- Chia cho chị Nguyễn Châu Diệu H 0,42/4 giá trị nhà đất tại số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi trừ 1.187.440.000 (Một tỷ một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng.

- Chia cho anh Nguyễn Trí M 0,42/4 giá trị nhà đất tại số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi trừ 1.187.440.000 (Một tỷ một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng.

- Chia cho bà Châu Thị Kim B 0,16/4 giá trị nhà đất tại số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi trừ 1.187.440.000 (Một tỷ một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Các đương sự đều có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mãi nhà đất tọa lạc tại số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để chia.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/10/2019 bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần bà C đã đóng thuế nhà đất 43 năm nhưng tòa sơ thẩm không xem xét, nếu phát mại tài sản đề nghị cho bà được ưu tiên mua lại nhà đất và để bà được lưu cư tại nhà thêm 2 năm.

Ngày 31/10/2019 nguyên đơn kháng cáo một phần bản án về phần tòa án sơ thẩm tuyên chia cho bà số tiền 1.127.739.879 đồng nhưng theo di chúc bà phải được hưởng 1.273.635.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Đại diện nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tự nguyện đề cho bị đơn được lưu cư trong vòng 06 tháng kể từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực. Sau 06 tháng các bên sẽ tiến hành các thủ tục phân chia nhà đất trên theo bản án đã tuyên xử.

Bị đơn đề nghị cho bà được lưu cư thêm 01 năm do tình hình dịch bệnh nên các anh chị đang ở nước ngoài chưa về giải quyết được.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về hình thức đơn kháng cáo của các đương sự lập trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn rút toàn bộ kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phúc thẩm đối với yêu cầu này, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho bị đơn lưu cư tại nhà thêm 06 tháng kể từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật. Đối với kháng cáo của bị đơn xét thấy bị đơn không đưa ra căn cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T và bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh C nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tòa sơ thẩm xác định theo đúng quy định tại Điều 26, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc căn nhà 104/22 đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là nhà đất) có nguồn gốc của vợ chồng cụ Nguyễn Văn C và cụ Trịnh Thị T. Ngày 22/12/1994, vợ chồng cụ có lập tờ di chúc chung được Phòng Công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực, nội dung di chúc là sau khi hai cụ chết thì nhà đất được chia đều cho ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị Bạch T (Nguyễn Bạch T), ông Nguyễn Tri T và bà Nguyễn Thị Thanh C. Ngoài di chúc này ra thì Cụ C không có lập ra tờ di chúc nào khác.

Sau khi Cụ C chết thì cụ T, gia đình ông Nguyễn Tri T và gia đình bà

Nguyễn Thị Thanh C tiếp tục ở trên căn nhà này. Đến năm 2002 cụ T xây mới lại căn nhà, các đương sự đều thừa nhận nguồn tiền xây nhà do bà Nguyễn Thị Bạch T bỏ ra số tiền 55.000 USD tương đương 1.273.635.000 đồng để xây nhà nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà T tự nguyện nhận số tiền 1.127.739.879 đồng.

Ngày 10/3/2003 cụ T lập tờ di chúc ưu tiên cho bà Nguyễn Thị Bạch T 55.000 USD, số tiền đã bỏ ra xây dựng căn nhà. Phần di sản còn lại thì nội dung không rõ ràng nên theo Điều 673 của Bộ luật dân sự năm 2005 phần nội dung nào của di chúc không giải thích được thì không có hiệu lực. Do đó giá trị di sản của cụ T sau khi trừ số tiền tương đương 55.000 USD cho bà T, số còn lại sẽ được chia thừa kế theo pháp luật.

Như vậy di sản của Cụ C là $\frac{1}{2}$ giá trị đất, còn di sản của cụ T là $\frac{1}{2}$ giá trị đất và toàn bộ giá trị phần xây dựng căn nhà.

Theo di chúc của Cụ C thì phần của ông Đ, bà T, bà C và ông Nguyễn Tri T được chia bằng nhau và bằng $\frac{1}{4}$ giá trị di sản nhà đất sau khi trừ 1.127.739.879 đồng phần bà T được hưởng theo di chúc của cụ T và 59.700.000 đồng thù lao công bảo quản di sản cho bà C.

Ông Nguyễn Tri T chết sau Cụ C, nên kỹ phần của ông T được hưởng từ di sản của Cụ C trở thành di sản thừa kế và được chia thừa kế theo pháp luật cho bà C Thị Kim B, chị Nguyễn Châu Diệu H và anh Nguyễn Trí M, mỗi người $\frac{1}{3}$, tức bằng $\frac{1}{24}$ giá trị nhà đất, sau khi trừ công sức bảo quản di sản cho bà C và phần bà T được hưởng theo di chúc của cụ T.

Ông Nguyễn Tri T chết trước cụ T, nên kỹ phần của ông T được hưởng từ di sản của cụ T theo pháp luật thì chị Nguyễn Châu Diệu H và anh Nguyễn Trí M thừa kế thế vị và mỗi người được $\frac{1}{2}$, tức bằng $\frac{1}{16}$ giá trị nhà đất sau khi trừ công sức bảo quản di sản cho bà C và trừ phần bà T được hưởng theo di chúc của cụ T.

Vậy phần chị Nguyễn Châu Diệu H được chia bằng phần anh Nguyễn Trí M và bằng: $\frac{1}{24} + \frac{1}{16} = \frac{5}{48}$, tức bằng 0,42/4; phần bà C Thị Kim B được chia là $\frac{1}{24}$, tức bằng 0,16/4 giá trị di sản nhà đất sau khi trừ công sức bảo quản di sản cho bà C và trừ phần bà T được hưởng theo di chúc của cụ T.

Xét thấy, tòa án sơ thẩm xét xử như trên là đúng căn cứ và các đương sự không kháng cáo gì phần này.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này. Đại diện nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tự nguyện cho bị đơn được lưu cư thêm 06 tháng kể từ ngày tuyên án nên cần được ghi nhận.

Đối với kháng cáo của bị đơn đề nghị xem xét về phần đóng thuế của bà từ năm 1976 đến nay là 71.356.307, xét thấy tại giai đoạn sơ thẩm bà C không yêu cầu phần này, đây là yêu cầu mới được đặt ra tại phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét, ngoài ra tòa án sơ thẩm cũng đã tính thù lao cho bà C về việc bảo quản di sản là 59.700.000 đồng. Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị cho bà

được lưu cư tại nhà thêm 01 năm, xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện cho bà lưu cư thêm 06 tháng tại nhà đất trên kể từ khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật là đã có lợi cho bà C nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bà Nguyễn Thị Bạch T và bà Nguyễn Thị Thanh C là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bạch T.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh C.

- Sửa Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 688, các Điều 618, 643, 648, 649, 650, 651, 652, 659 và Điều 660 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 147, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T (Nguyễn Bạch T); chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh C về tiền thù lao công giữ gìn, bảo quản di sản.

- Xác định nhà đất tọa lạc tại số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn C và cụ Trịnh Thị T, trong đó: Phần di sản của cụ Nguyễn Văn C là $\frac{1}{2}$ giá trị đất, phần di sản của cụ T là $\frac{1}{2}$ giá trị đất và toàn bộ giá trị xây dựng căn nhà số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xác định di chúc chung của cụ Nguyễn Văn C và cụ Trịnh Thị T lập ngày 22/12/1994, được Phòng Công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực, có hiệu lực đối với phần di sản của cụ Nguyễn Văn C.

- Xác định di chúc của cụ Trịnh Thị T được Phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực, số Công chứng 005856, Quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/3/2003 có hiệu lực một phần, đó là phần cho bà Nguyễn Thị Bạch T, phần còn lại của di chúc không có hiệu lực.

- Bà Nguyễn Thị Thanh C được nhận 59.700.000 (Năm mươi chín triệu bảy trăm nghìn) đồng tiền thù lao và khoản tiền này được trích từ di sản của cụ Nguyễn Văn C và cụ Trịnh Thị T.

- Chia cho bà Nguyễn Thị Bạch T (Nguyễn Bạch T) 1.127.739.879 đồng, lấy tròn số là 1.127.740.000 (Một tỷ một trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng phần được hưởng theo di chúc của cụ T.

- Chia cho bà Nguyễn Thị Bạch T (Nguyễn Bạch T) $\frac{1}{4}$ giá trị nhà đất tại số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi trừ 1.187.440.000 (Một tỷ một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng (Gồm 1.127.740.000 đồng phần bà T được hưởng theo di chúc của cụ T và 59.700.000 đồng thù lao bảo quản di sản cho bà C).

- Chia cho bà Nguyễn Thị Thanh C $\frac{1}{4}$ giá trị nhà đất tại số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi trừ 1.187.440.000 (Một tỷ một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng.

- Chia cho ông Nguyễn Hữu Đ (Peter Nguyen) $\frac{1}{4}$ giá trị nhà đất tại số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi trừ 1.187.440.000 (Một tỷ một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng.

- Chia cho chị Nguyễn Châu Diệu H 0,42/4 giá trị nhà đất tại số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi trừ 1.187.440.000 (Một tỷ một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng.

- Chia cho anh Nguyễn Trí M 0,42/4 giá trị nhà đất tại số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi trừ 1.187.440.000 (Một tỷ một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng.

- Chia cho bà Châu Thị Kim B 0,16/4 giá trị nhà đất tại số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi trừ 1.187.440.000 (Một tỷ một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Bạch T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để cho bà Nguyễn Thị Thanh C được lưu cư thêm 06 tháng tại nhà số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Sau 06 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm các đương sự đều có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mãi nhà đất tọa lạc tại số 104/22, đường Nguyễn T, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để chia.

II. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bạch T và bà Nguyễn Thị Thanh C được miễn án phí.

III. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Đương sự (4)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) 17b (MTTT)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Huyền Vân